

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2.

Căn cứ Thông báo số 1239-TB/TU ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc đồng ý chủ trương ban hành nghị quyết quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-BVHXXH ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố;
- b) Người bệnh chưa tham gia bảo hiểm y tế; người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế nhưng đi khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức giá

Ban hành quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hải phòng. Mức giá quy định cụ thể như sau:

- 1. Giá dịch vụ khám bệnh; giá dịch vụ ngày giường bệnh; giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm áp dụng chung cho các hạng bệnh viện (*trừ dịch vụ xét nghiệm PCR, Real-time PCR, test nhanh SARS-COV-2*):

Áp dụng mức giá tối đa của toàn bộ danh mục tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo

hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

2. Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-COV-2 áp dụng cho các hạng bệnh viện (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với người bệnh đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm thực hiện mức giá theo quy định của Nghị quyết này nhưng chưa kết thúc đợt điều trị ở thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng mức giá tại Nghị quyết số 32/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố “Về quy định mức giá khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố” cho đến khi kết thúc đợt điều trị.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 32/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH; Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế (các Bộ: YT, TC);
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU; TT HĐND; UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTQVNTP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTHU, TTQU các quận, huyện;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP; Cổng TTĐT TP,
- Đài PTTH HP; Báo HP;
- CV VP ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập



PHỤ LỤC

GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2 ÁP DỤNG CHO CÁC HẠNG BỆNH VIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số: **16** /2022/NQ-HĐND ngày **09** tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	STT TT 37	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá tối đa (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Ghi chú
A	2	3	B	1	2	3
I			Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn	11.200	78.000	
II			Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/ bán tự động mẫu đơn, gồm:	30.800	178.900	
III			Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	212.700	501.900	
1			Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400		
2			Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	167.300	456.500	
IV			Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp			
1			Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	78.800		
1.1			Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100		
1.2			Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	54.700		
1.3			Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng			
1.3.1			Trường hợp gộp 2 que		223.300	
1.3.2			Trường hợp gộp 3 que		175.100	
1.3.3			Trường hợp gộp 4 que		151.000	
1.3.4			Trường hợp gộp 5 que		136.600	
2			Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	62.500		
2.1			Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300		
2.2			Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	39.200		
2.3			Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng			
2.3.1			Trường hợp gộp 6 que		110.600	
2.3.2			Trường hợp gộp 7 que		103.800	
2.3.3			Trường hợp gộp 8 que		98.600	
2.3.4			Trường hợp gộp 9 que		94.600	
2.3.5			Trường hợp gộp 10 que		91.400	
3			Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	112.500		

STT	STT TT 37	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá tối đa (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)	Ghi chú
3.1			Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.400		
3.2			Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	64.100		
3.3			Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng			
3.3.1			Trường hợp gộp 2 mẫu		257.000	
3.3.2			Trường hợp gộp 3 mẫu		208.800	
3.3.3			Trường hợp gộp 4 mẫu		184.700	
3.3.4			Trường hợp gộp 5 mẫu		170.300	
4			Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	97.200		
4.1			Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	49.200		
4.2			Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	48.000		
4.3			Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng			
4.3.1			Trường hợp gộp 6 mẫu		145.300	
4.3.2			Trường hợp gộp 7 mẫu		138.500	
4.3.3			Trường hợp gộp 8 mẫu		133.300	
4.3.4			Trường hợp gộp 9 mẫu		129.300	
4.3.5			Trường hợp gộp 10 mẫu		126.100	

Ghi chú:

- Đối với chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 (sinh phẩm xét nghiệm nhanh, sinh phẩm xét nghiệm miễn dịch, sinh phẩm xét nghiệm cho phản ứng) các cơ sở y tế thực hiện căn cứ theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác nhưng không vượt quá mức giá tối đa nêu trên./.